

I. BÀN VỀ VẤN ĐỀ NHẬP SIÊU

Nhập siêu là hiện tượng kim ngạch nhập khẩu của một quốc gia (hoặc địa phương) cao hơn kim ngạch xuất khẩu trong một thời gian nhất định. Hay nói một cách khác cán cân thương mại quốc tế có chênh lệch âm.

Nhập siêu là hiện tượng phổ biến ở những nước có nền kinh tế thị trường phát triển theo hướng mở. Ngay như nước Mỹ có nền kinh tế mạnh và phát triển nhất toàn cầu thì trong suốt 2 thập niên qua cũng có hiện tượng nhập siêu lớn: theo báo cáo của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) năm 1997, kim ngạch nhập khẩu của Mỹ là 817,8 tỷ USD và kim ngạch xuất khẩu là 624,5 tỷ USD, nhập siêu 193,3 tỷ USD.

Còn ở các nước đang phát triển khi thực hiện chính sách kinh tế mở cửa, mặc dù tốc độ tăng trưởng xuất khẩu luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP, nhưng nhập siêu vẫn là hiện tượng kinh tế phổ biến (xem bảng 1)

Bảng 1: Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế của các nước ASEAN 1996

Các chỉ tiêu	Brunei	Indonesia	Malaysia	Philippines	Singapore	Thái Lan	Việt Nam	TP. HCM
1. Tốc độ tăng trưởng GDP (%)	2,5	7,4	8,5	5,7	7,8	8,2	10	15
2. Tốc độ xuất khẩu (%)	8,6	15,0	20,0	21,0	15,0	20	32	30
3. Cán cân thương mại (tỉ USD)		6,5	-6,0	-10,1	-3,0	-13,3	-4	-1

Nguồn: Ban thư ký ASEAN 1997

Niên giám TK 1997

Như vậy nhìn vào bảng 1 ta thấy nhập siêu của VN về con số tuyệt đối so với nhiều nước trong khu vực chưa phải là lớn.

Sở dĩ nhiều nước ASEAN mở cửa kinh tế trước VN một vài thập niên nhưng vẫn còn trong tình trạng nhập siêu là do tăng cường nhập khẩu đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của các nước này; cụ thể:

- Tăng cường nhập khẩu công nghệ, máy móc trang thiết bị cao cấp giúp cho các nước này nâng cao trình độ kỹ thuật, xích lại gần trình độ phát triển cao của thế giới, nhờ đó mới tạo ra các sản phẩm xuất khẩu có chất lượng tốt, có khả năng cạnh tranh cao.

- Việc thay đổi cơ cấu hàng xuất khẩu từ chỗ xuất khẩu chủ yếu là tài nguyên, nông sản phẩm sang xuất khẩu hàng công nghiệp mang hàm lượng lao động và công nghệ cao ở các nước ASEAN trong điều kiện ngành sản xuất nguyên liệu cao cấp trong nước chưa phát triển thì việc nhập khẩu nguyên liệu giúp cho các nước này thực hiện tốt chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa hướng về xuất khẩu.

- Nhập khẩu hàng tiêu dùng, sản phẩm khoa học và văn hóa góp phần phát triển nguồn nhân lực và nâng cao mức sống nhân dân.

- Hàng nhập khẩu trong nhiều trường hợp tạo môi trường cạnh tranh

kích thích sản xuất trong nước hoàn thiện và phát triển.

- Nhập khẩu từ nguồn vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp chẳng những góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế mà còn tạo thêm công ăn, việc

làm cho người lao động, cải thiện đời sống xã hội.

- Tăng cường nhập khẩu từ nguồn vốn ODA của các tổ chức tài chính quốc tế giúp cải thiện mau chóng hạ tầng cơ sở tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, chuyên gia kinh tế của các nước trong khu vực cũng nêu lên hiểm họa tiềm ẩn của việc nhập siêu lớn, cụ thể:

Bảng 2: Tình hình xuất nhập khẩu của VN qua các thời kỳ 1960 - 1998.

Đơn vị tính: triệu USD

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu	So sánh giữa nhập khẩu và xuất khẩu	
			Tuyệt đối (triệu USD)	Tương đối (%)
1960	71,1	116,5	- 45,4	61,0
1975	129,7	784,4	- 654,4	16,5
1976	222,7	1.004,1	- 881,4	22,18
1986	789,0	2155,1	-1.319,2	36,61
1990	2.402,0	2.752,4	- 314,5	87,34
1991	2.020,0	2.274,3	- 254,3	88,91
1992	2.500,0	2.400,0	+100	104,1
1993	3.000,0	3.300,0	-300	91,0
1994	3.600,0	5.000,0	- 1.400	72,0
1995	5.300,0	7.500,0	- 2.200	70,66
1996	7.255,0	11.144,0	- 3.889	65,1
1997	8850,0	11.200,0	- 2.350	79,01
6 tháng đầu 1998	4814,0	6.066,0	- 1.252	79,36

Các số liệu trong bảng 2 chưa phản ánh tình hình buôn bán tiểu ngạch qua biên giới (nếu tính cả phần buôn bán tiểu ngạch thì nhập siêu ở VN còn lớn hơn gấp bội)

Nguồn: Niên giám thống kê 1997 và báo cáo 6 tháng đầu năm 1998 của Bộ thương mại.

BÀN VỀ TÌNH HÌNH NHẬP SIÊU VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP

PGS.PTS. VÕ THANH THU

- Nhập khẩu tràn lan vượt quá sự kiểm soát của chính phủ sẽ dẫn tới hiện tượng lãng phí ngoại tệ, tác động xấu đến sản xuất trong nước.

- Nhập khẩu quá nhiều hàng tiêu dùng sẽ dẫn tới tình hình "sùng bái" hàng ngoại, khiến hàng nội địa tiêu thụ trở nên khó khăn.

- Nhập siêu thường xuyên sẽ dẫn tới hiện tượng vay nợ lớn khó có khả năng trả nợ vì suy cho cùng các nước đều phải dựa vào xuất khẩu để trả nợ và lãi. Và nhập siêu lớn là nguyên nhân quan trọng dẫn tới cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ, gây hậu quả nghiêm trọng cho nền kinh tế như cuộc khủng hoảng ở các nước ASEAN trong năm 1997 - 1998 vừa qua.

Cho nên để giải quyết bài toán vừa đẩy mạnh nhập khẩu để phát triển, vừa giảm bớt nhập siêu là vấn đề rất phức tạp của các nước thực hiện chính sách "kinh tế mở".

II. TÌNH HÌNH NHẬP SIÊU CỦA VN

Qua tất cả thời kỳ phát triển (trừ năm 1992), kinh tế VN luôn luôn ở tình trạng nhập siêu. Các số liệu của bảng 2 sau đây phản ánh tình hình này.

- Nguyên nhân của nhập siêu:

Phân tích tình hình kinh tế và hoạt động xuất nhập khẩu của VN trong những năm qua, ta nhận thấy nhập siêu trong 2 năm 1997 - 1998 có xu hướng giảm, nhưng vẫn còn ở mức cao khoảng 2,5 tỉ USD/năm do những nguyên nhân chính sau đây:

Thứ nhất, mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của VN là nông sản, thủy sản, lâm sản, dầu thô ít qua chế biến nên giá trị chưa cao, trong khi chúng ta phải nhập khẩu máy móc, trang thiết bị, sản phẩm của dầu hỏa, nguyên vật liệu cao cấp đã qua chế biến sâu, độ tinh chế cao, trị giá lớn.

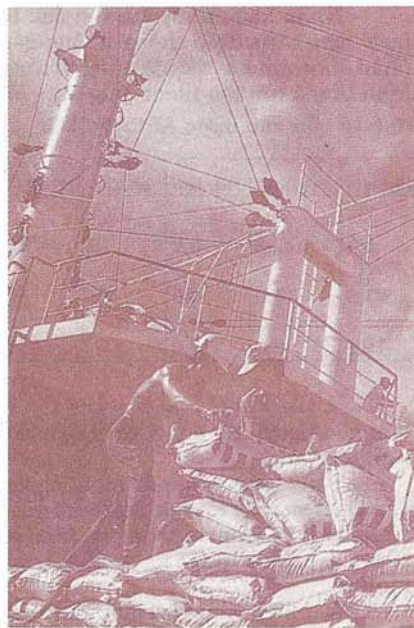
Thứ hai, đầu tư nước ngoài trực tiếp cũng góp phần tăng tỉ lệ nhập siêu. Thật vậy, kể từ khi ban hành luật FDI 12.1987 đến 9.7.1998 trên cả nước còn 1785 dự án với tổng số vốn đăng ký 32,7 tỷ USD đang hoạt động. Trong số này có gần 70% số dự án đang trong quá trình triển khai xây dựng, sản xuất thử, hoạt động chưa đủ công suất...nên kim ngạch nhập khẩu của các dự án có vốn FDI lớn hơn so với kim ngạch xuất khẩu. Theo báo cáo của Bộ thương mại riêng 6 tháng đầu năm 1998 mặc dù nhà nước tác động theo hướng khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu nhưng các dự án có vốn FDI xuất khẩu: 1 tỷ USD; nhập khẩu 1,434 tỷ USD, nhập siêu 434 triệu USD, chiếm 30% nhập siêu của VN. Ngoài ra, nhiều dự án đầu tư vào các lĩnh vực xây dựng khách sạn, cao ốc văn phòng, nhà máy điện, nhà máy nước, xây dựng hạ tầng cơ sở ở khu chế xuất, khu công nghiệp; vào các dự án sản xuất hàng tiêu dùng, thực phẩm mà nguyên liệu làm ra chúng là nhập khẩu, đều tạo ra sản phẩm để tiêu thụ nội địa không tạo ra kim ngạch xuất khẩu.

Thứ ba: Nguồn gốc vay viện trợ phát triển ODA ngày càng gia tăng, tính đến hết năm 1997 VN đã vay từ nguồn ODA song phương và đa phương 10,3 tỷ USD, trong số này khoảng 30% số vốn đã được giải ngân. Chính phủ dùng số tiền này để nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc phục vụ cho việc xây dựng hạ tầng cơ sở như: xây dựng nhà máy điện, nâng cấp quốc lộ, xây dựng cảng, sân bay...Những khoản nhập khẩu này không trực tiếp tạo ra kim ngạch xuất khẩu cũng dẫn tới hiện tượng nhập siêu.

Thứ tư, áp dụng phương thức gia công hàng xuất khẩu, trong điều kiện trong nước chưa thể tự thỏa mãn được nguyên liệu gia công xuất khẩu cũng là nguyên nhân dẫn tới tình trạng nhập siêu lớn. Ngành gia công may mặc, gia công sản phẩm da, giấy dếp v.v... hàng năm mang lại kim ngạch xuất khẩu lớn trên 1,5 tỉ USD, giải

quyết công ăn việc làm cho hàng trăm ngàn lao động nhưng hiệu quả kinh doanh thấp vì thu ngoại tệ từ tiền gia công nhỏ so với tổng kim ngạch xuất khẩu, ngoài ra còn dẫn tới hiện tượng nhập siêu trong từng thời điểm: vì đặc điểm của ngành gia công là nhập khẩu máy móc, nguyên phụ liệu trước, sau đó mới làm hàng gia công xuất trả cho bên phía nước ngoài.

Thứ năm, ngành sản xuất nguyên liệu trong nước chưa phát triển: nguyên liệu các ngành dệt, nhựa, hóa chất, xăng dầu, xà bông mỹ phẩm, thuốc lá v.v...đều dựa vào nguồn nhập. Trong khi đó sản phẩm của các ngành sử dụng những nguyên liệu kể trên lại chủ yếu tiêu thụ trong nội địa. Đây cũng là nguyên nhân dẫn tới hiện tượng nhập siêu.



Thứ sáu, cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á và sự phá giá của đồng yên khiến cho hoạt động xuất khẩu của VN gặp khó khăn, trong khi đó hàng nhập khẩu từ các nước trong khu vực vào VN giảm giá mạnh, nhập khẩu gia tăng.

Thứ bảy, các chính sách hỗ trợ khuyến khích xuất khẩu của nhà nước đã có, nhưng triển khai còn chậm, chưa tác động tích cực đến hoạt động xuất khẩu.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ GIẢM BỚT HIỆN TƯỢNG NHẬP SIÊU

1. Giải pháp cấp bách

Áp dụng các biện pháp thiết thực có hiệu quả để khuyến khích đẩy mạnh xuất khẩu ở mọi thành phần kinh tế như: cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, khi làm hàng xuất khẩu; sử dụng cơ chế nhiều tỷ giá: xuất khẩu hàng nhiều sẽ được ngân hàng mua lại ngoại tệ với tỷ giá cao, hay nhập khẩu nguyên liệu phục vụ làm hàng xuất khẩu sẽ được mua ngoại tệ với

tỷ giá thấp.. áp dụng cơ chế thưởng quota hàng may xuất khẩu sang thị trường hạn ngạch khi xuất khẩu kim ngạch lớn...chỉ tăng xuất khẩu mới giảm nhập siêu được lành mạnh.

Tạo môi trường tài chính - tiền tệ thuận lợi cho xuất khẩu.

Kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu từ tâm vì mô, trên cơ sở cân đối cung cầu ở những mặt hàng thiết yếu, tỉ trọng nhập lớn như: xăng dầu, sắt thép, phân bón, xi măng, đường, giấy, máy móc trang thiết bị.

Tiếp tục đánh giá, chấn chỉnh lại hoạt động của các ngân hàng bảo lãnh nhập khẩu hàng trả chậm sử dụng L/C. Xây dựng lại quy chế và thủ tục mua hàng trả chậm của nước ngoài của các công ty xuất nhập khẩu.

Khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, nâng cao chất lượng sản phẩm để chuyển dần từ phương thức gia công hàng xuất khẩu sang phương thức tự doanh (XK theo FOB) để chủ động thay thế dần nguyên liệu nhập khẩu bằng nguyên liệu sản xuất trong nước.

Có chính sách ưu đãi cụ thể, hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các ngành tạo ra kim ngạch xuất khẩu lớn.

Tổ chức tốt công tác thống kê, kịp thời phân tích tình hình, cân đối giữa xuất khẩu và nhập khẩu để đề xuất các giải pháp chấn chỉnh xuất khẩu, nhập khẩu trong từng thời kỳ phát triển kinh tế.

Sử dụng các công cụ thuế và tín dụng tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu hàng hóa chế biến sâu (tinh chế) giá trị cao, hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô ít chế biến.

Hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng xa xỉ và trong nước sản xuất được. Đối với các giấy phép nhập hàng tiêu dùng phải có biện pháp quản lý chặt chẽ để không tác động xấu đến sản xuất trong nước và thu thuế đầy đủ.

2. Các giải pháp dài hạn

Đầu tư vào ngành chế biến hàng xuất khẩu để giảm bớt xuất khẩu nguyên liệu thô giá trị xuất khẩu vừa thấp vừa không tận dụng được nguồn nhân lực trong nước.

Đầu tư và khuyến khích đầu tư nước ngoài vào sản xuất những nguyên liệu cao cấp từ dầu mỏ: như xăng, dầu nhớt, nguyên liệu nhựa, sợi hóa học v.v...để thay thế dần hàng nhập khẩu.

Đầu tư công nghệ và máy móc hiện đại vào công nghệ dệt để tạo ra vải đạt tiêu chuẩn quốc tế và công nghiệp sản xuất nguyên phụ liệu cung cấp cho ngành may mặc xuất khẩu vốn là thế mạnh của TP.HCM nói riêng và VN nói chung, giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu ■